TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Huy;

Bà Trịnh Thị Sớm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thị T, sinh năm 1969, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn*: Ông Dương Đức O, sinh năm 1962, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

Bà và ông Dương Đức O tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông O chung sống tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông O sống thiếu trách nhiệm với gia đình,

vợ con, nóng tính. Bà nhiều lần bị ông O đánh nhưng vì thương con nên bà kiên nhẫn chịu đựng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2013 ông O vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù đến năm 2016 hết hạn tù trở về địa phương. Thời gian ông O chấp hành án bà vẫn ở nhà của vợ chồng đến khi ông O hết hạn tù trở về nhà thì bà về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã Q và sống ly thân với ông O, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Dương Đức O.

Về con chung: Bà T trình bày bà và ông O có hai con chung là Dương Thị Thúy H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Dương Đức N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1994. Hiện cả hai con của bà và ông O đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông O, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Bà và ông O không nợ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của ông Dương Đức O thể hiện: Ông thống nhất với bà T về thời gian, điều kiện chung sống và việc vợ chồng lấy nhau không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không phù hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, không có sự chia sẻ và không tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần xảy ra xô xát. Năm 2016 bà T bỏ đi, ông đi tìm bà T về nhưng vợ chồng sống được thời gian ngắn thì bà T tiếp tục bỏ đi và cắt đứt mọi liên lạc với ông. Ông và bà T sống ly thân nhau thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xin ly hôn, ông nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Ông Oánh thống nhất ông và có 02 con chung, họ, tên, tuổi như bà T trình bày, hiện hai con của ông và bà T đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng ông không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ: Ông nhất trí với bà T, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà từ khi thụ lý vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Đào Thị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Dương Đức O không đến tham gia phiên tòa nhưng ông Oánh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử không công nhận bà Đào Thị T và ông Dương Đức O là vợ chồng; về con

chung: Bà T và ông O có 02 con chung là Dương Thị Thúy H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Dương Đức N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1994, hiện các con của ông bà đã trưởng thành bà T, ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, công nợ: Bà T và ông O không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Đào Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Dương Đức O là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng ông O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông O.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Dương Đức O tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng sống không có sự chia sẻ, tin tưởng nhau nên nhiều lần xảy ra xô xát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; ông bà đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xác định bà Đào Thị T và ông Dương Đức O tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016. Tuyên bố không công nhận bà Đào Thị T và ông Dương Đức O là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T và ông O có 02 con chung là Dương Thị Thúy H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Dương Đức N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1994, hiện

đã trưởng thành vấn đề nuôi dưỡng bà T, ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Bà T và ông O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Đào Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị T và ông Dương Đức O.

2. Về án phí: Bà Đào Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tuyến đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002745 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà Tuyến đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Đào Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Dương Đức O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn